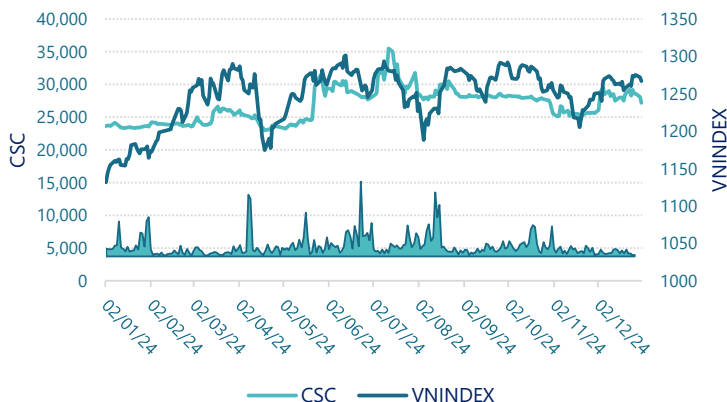




CTCP Tập đoàn Cotana (HNX: CSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	27,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,987
SL cổ phiếu LH	37,408,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,760
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,018
P/E	72.5
EPS	375

DT thuần

Q4/24

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▼82.0| -33.2%

YoY: ▼84.0| -33.7%

LN sau thuế

Q4/24

2.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.35| -68.0%

YoY: ▼29.8| -92.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.7%

+/- YoY: ▼ 13.6%

DT thuần

2024

590

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 8.1%

LN sau thuế

2024

20.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼59.4| -74.4%

ROE

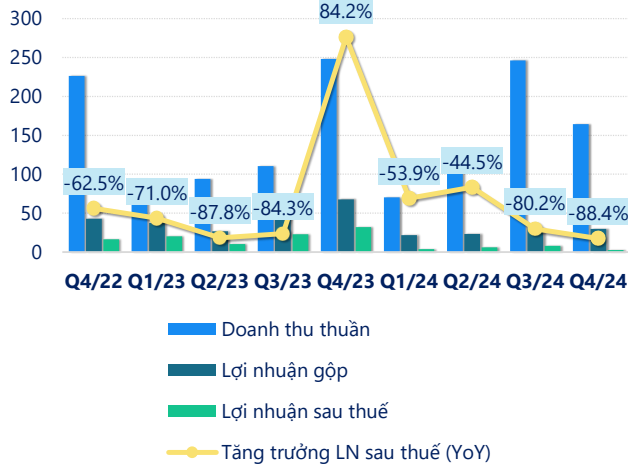
2024

1.7%

+/- YoY: ▼ 4.9%

tỷ VNĐ

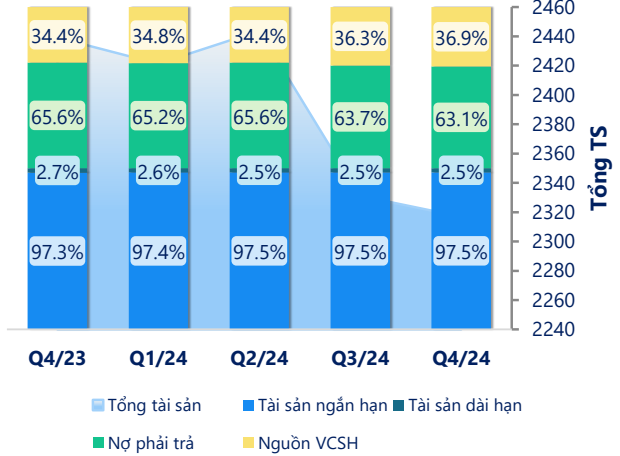
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

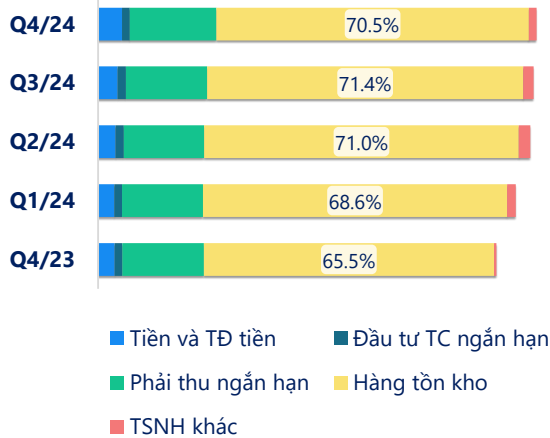
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



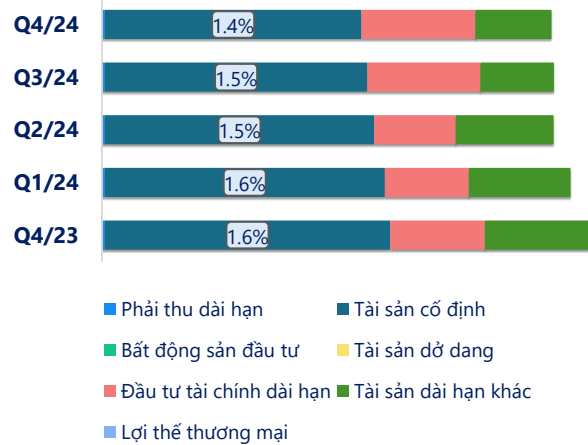
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

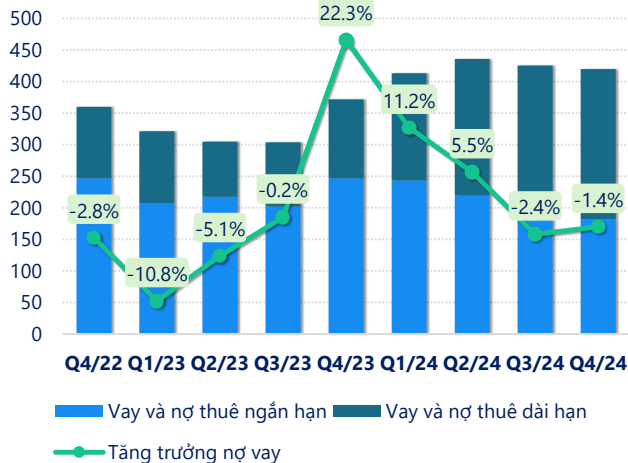
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

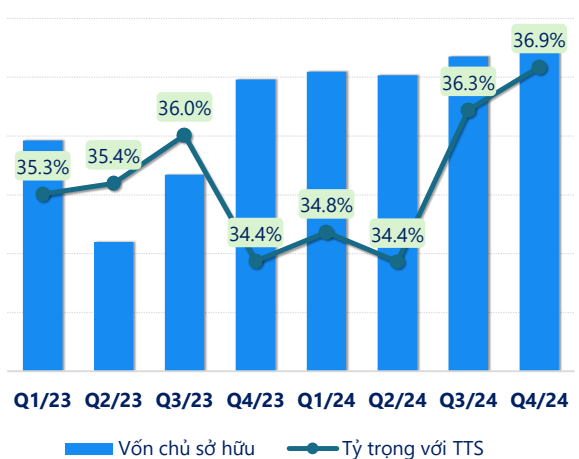
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



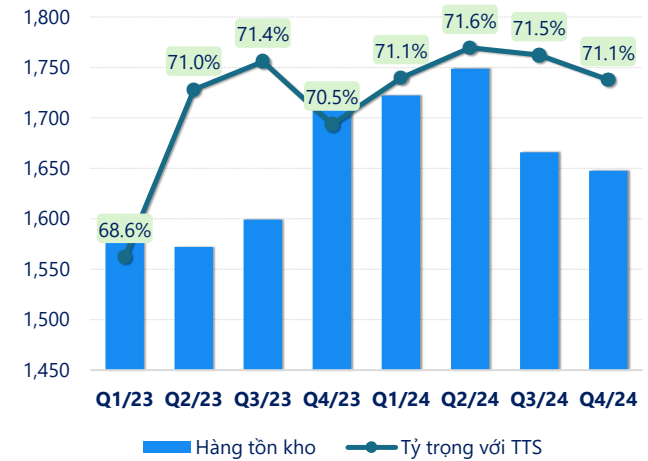
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

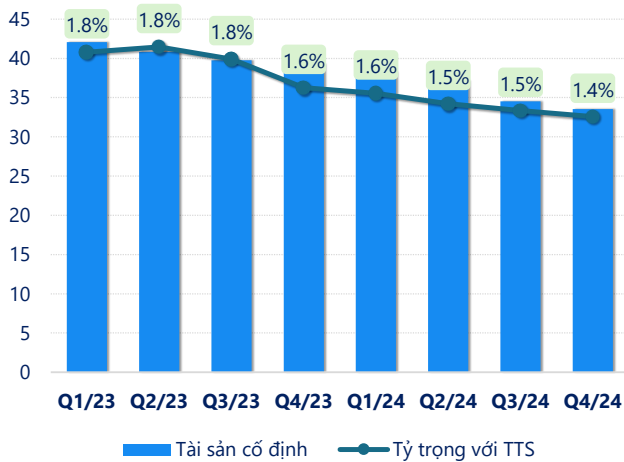

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


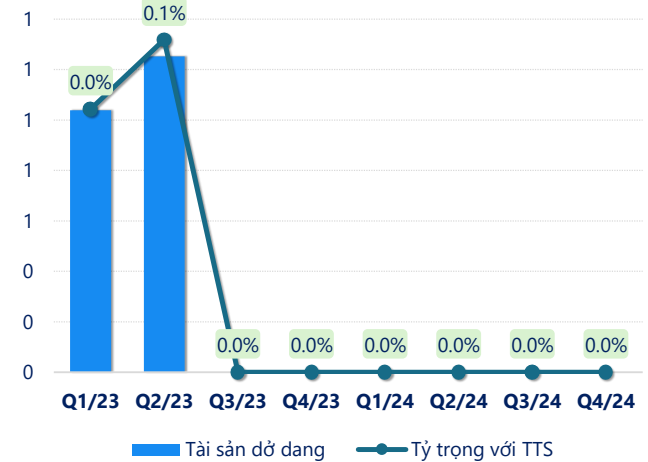
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

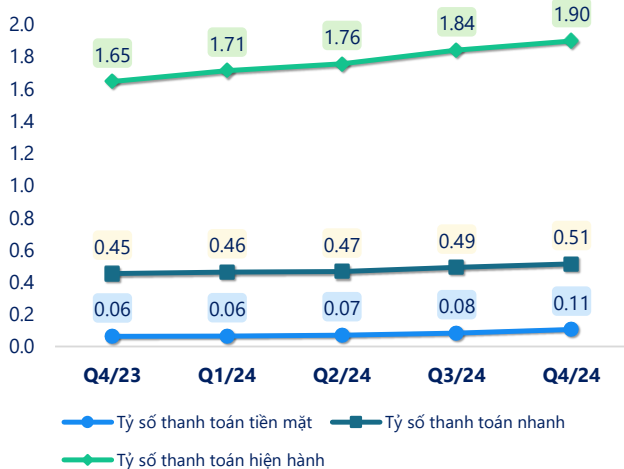
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

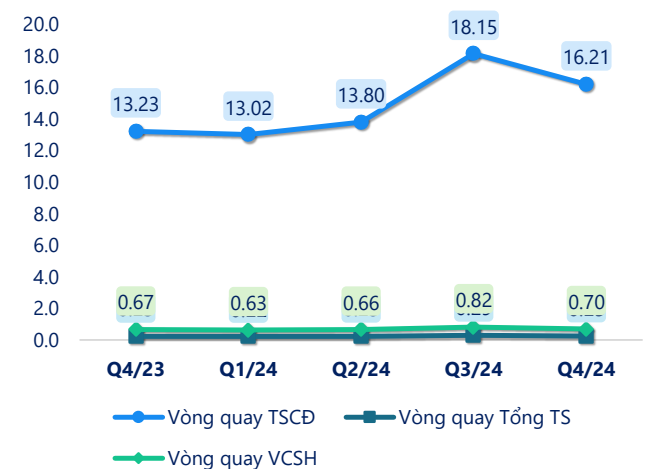
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,439	2,421	2,444	2,331	2,317
Tài sản ngắn hạn	2,372	2,357	2,382	2,272	2,258
Tiền và tương đương tiền	90.9	89.0	96.3	103	126
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.5	32.6	32.6	21.6	22.7
Phải thu ngắn hạn	478	466	461	435	418
Hàng tồn kho	1,719	1,722	1,749	1,666	1,648
Tài sản ngắn hạn khác	42.7	46.9	42.5	46.0	44.7
Tài sản dài hạn	67.0	64.0	62.3	59.4	58.8
Phải thu dài hạn	0.38	0.38	0.38	0.37	0.37
Tài sản cố định	39.3	38.3	37.2	34.5	33.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	11.5	11.2	14.9	14.9
Tài sản dài hạn khác	14.3	13.9	13.5	9.64	9.96
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,600	1,579	1,603	1,484	1,462
Nợ ngắn hạn	1,441	1,375	1,357	1,235	1,190
Vay và nợ thuê ngắn hạn	247	243	219	213	181
Phải trả người bán ngắn hạn	421	370	370	352	410
Nợ dài hạn	159	204	246	249	272
Vay và nợ thuê dài hạn	125	170	216	213	238
Nguồn vốn chủ sở hữu	839	842	841	847	854
Vốn chủ sở hữu	839	842	841	847	854
Vốn điều lệ	312	312	374	374	374
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)